

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HƯNG HÀ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 04- 12- 2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Bích Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Bể

2. Bà Vũ Thị Khánh Hòa

**T ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Trường - T ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2020/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 20-11-2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1993 ( xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn Q, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

**2. Bị đơn:** Anh Lê Quý T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 24-8-2020, nguyên đơn chị Đỗ Thị L trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Quý T kết hôn cùng nhau do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 12-3-2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày. Mâu thuẫn trầm trọng, đôi bên không khắc phục được đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Lê Nhật L, sinh ngày 27-4-2012 và Lê Ngọc D, sinh ngày 02-3-2015, hiện cả 02 con chung do chị nuôi dưỡng.

Nếu ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về chia tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 10-9-2020 và ngày 16-10-2020, bà Vũ Thị T, sinh năm 1954, nơi cư trú thôn T, xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (là mẹ đẻ anh T) trình bày: Thời gian gần đây anh T mới về nhà nhưng chỉ ở nhà được 02 ngày thì anh T lại đi làm ăn ở miền Nam, gia đình bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở đâu nên bà không cung cấp cho Tòa án được. Anh T vẫn Thường xuyên liên lạc về cho gia đình qua điện thoại. Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận không khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà và toàn bộ tài liệu khởi kiện mà chị L đã nộp cho Tòa án gửi cho anh T, bà đã thông báo nội dung các văn bản trên cho anh T qua điện thoại, quan điểm của anh T như sau: Anh nhất trí với trình bày của chị L về điều kiện, hoàn cảnh, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì, chỉ là vợ chồng có khó khăn về kinh tế nên anh phải đi làm ăn xa thì tình cảm vợ chồng nhạt dần. Anh mong muốn chị L vì các con mà suy nghĩ lại, nếu chị L nhất quyết ly hôn thì anh chấp nhận ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Lê Nhật L, sinh ngày 27-4-2012 và Lê Ngọc D, sinh ngày 02-3-2015, hiện cả 02 con chung do chị L nuôi dưỡng. Nếu ly hôn vì điều kiện ở xa nên anh nhường chị L trực tiếp nuôi con, nếu chị L yêu cầu thì anh có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng anh tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện ở xa, không về Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà để giải quyết vụ án ly hôn được, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giám sát sự tuân theo pháp luật tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, chị L đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh T không thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Anh T vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án đối với anh T theo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Đỗ Thị L được ly hôn anh Lê Quý T; về nuôi con chung: Giao con 02 con chung là Lê Nhật L, sinh ngày 27-4-2012 và Lê Ngọc D, sinh ngày 02-3-2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị L; về chia tài sản chung: Chưa giải quyết; về án phí: Chị L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Lê Quý T, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án cho anh T, anh T biết việc TAND huyện Hưng Hà đang thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa chị L và anh T nhưng do anh T bận công việc, không cung cấp địa chỉ cụ thể cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Chị L đề nghị Tòa án không hòa giải nên TAND huyện Hưng Hà tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo trường hợp bị đơn có tình giấu địa chỉ theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị L kết hôn với anh Lê Quý T tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 12-3-2011, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng cuối năm 2017, đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, đôi bên không khắc phục được và đã ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Xét mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là Lê Nhật L, sinh ngày 27-4-2012 và Lê Ngọc D, sinh ngày 02-3-2015. Chị L và anh T đều thống nhất để chị L tiếp nuôi cả 02 con chung, chị L không yêu cầu anh T góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật, hơn nữa anh T đang đi làm ăn ở miền Nam nên cần giao 02 con chung Lê Nhật L, sinh ngày 27-4-2012 và Lê Ngọc D, sinh ngày 02-3-2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về chia tài sản chung: Mặc dù chị L trình bày chị và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; qua biên bản xác minh bà T cung cấp anh T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng do chưa có ý kiến trực tiếp của anh T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phần tài sản chung của chị L và anh T tại phiên tòa hôm nay. Chị L và anh T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản (nếu có) bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà về hướng giải quyết vụ án phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*1. Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị L và anh Lê Quý T.

*2. Về nuôi con chung:* Xử giao cho chị Đỗ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Lê Nhật L, sinh ngày 27-4-2012 và Lê Ngọc D, sinh ngày 02-3-2015. Anh Lê Quý T không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

*3. Về chia tài sản chung:* Chưa giải quyết.

*4. Về án phí:* Chị Đỗ Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006110 ngày 24-8-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (chị L đã nộp đủ).

*5. Về quyền kháng cáo:* Chị Đỗ Thị L và anh Lê Quý T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(đã ký)**

**Nguyễn Bích Thủy**

